

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2025/HNGĐ- ST**

Ngày : 20.01.2025

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tài

2. Bà Lê Thị Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 129/2024/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Trần Thị Ngọc H**, sinh năm 1997 (có mặt)

HKT: Thôn 8, xã TL, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: 335/29/36 Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh **Ngô Hồng Đ**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 8, xã TL, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

chị H có mặt, anh Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/5/2024 các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh Ngô Hồng Đ chung sống với nhau từ năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ngày 26/11/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống làm ăn tại Thành phố Hồ Chí Minh, đến tháng 10/2021 vợ chồng chuyển về cư trú tại thôn 8, xã TL, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng sống bình thường được một thời gian, đến khi chuyển về xã TL sinh sống thì vợ

chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Lý do anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho vợ con, không lo làm ăn. Tháng 5/2023 vợ chồng ly thân đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh Đ có hai con chung là Ngô Hoàng Kiều V, sinh ngày 04/11/2019 và Ngô Hoàng Thiên P, sinh ngày 29/6/2021. Nay các con chung đang ở với chị H và được chị H chăm sóc tốt, chị H có đủ điều kiện nuôi con chung. chị H yêu cầu được nuôi cả hai con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: chị H và anh Đ có nợ bà Thạch Thị Kim T số tiền 300.000.000 đồng. Số tiền này bà T trả nợ chung cho vợ chồng vay tại Ngân hàng BIDV- PDG LA để làm ăn. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên cho bà T.

Bị đơn anh Ngô Hồng Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc nhưng vắng mặt nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11/11/2024 nhưng không thành. chị H có đơn yêu cầu không tiếp tục hòa giải mà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh Đ. Về con chung cần giao cả hai con chung là Ngô Hoàng Kiều V, sinh ngày 04/11/2019 và Ngô Hoàng Thiên P, sinh ngày 29/6/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung không có nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung không xem xét, giải quyết. Về án phí yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Ngô Hồng Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Trần Thị Ngọc H và anh Ngô Hồng Đ chung sống với nhau từ năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu ngày 26/11/2018. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, đến năm 2021 vợ chồng chuyển về sinh sống thôn 8, xã TL, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn nên không thể hàn gắn được và đã ly thân từ năm 2023 đến nay. chị H cho rằng anh Diệp thường hay nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, đời sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài. Đối với anh Đ được Tòa án triệu tập nhưng không đến làm việc. Trước đây anh Đ đã từng gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn với chị H vì lý do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị H có nhiều mối quan hệ phức tạp, anh Đ có khuyến giải nhưng không thay đổi, vợ chồng ly thân từ tháng 5/2023. Quá trình giải quyết, Tòa án có hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị H, anh Đ là có thật, cả hai đều thừa nhận và đến nay không thể hàn gắn đoàn tụ. Tại phiên tòa chị H vẫn yêu cầu giải quyết ly hôn, còn anh Đ vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H và anh Đ được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Căn cứ lời khai chị H, các bản khai sinh của con thì quá trình chung sống chị H và anh Đ có 02 con chung là Ngô Hoàng Kiều V, sinh ngày 04/11/2019 và Ngô Hoàng Thiên P, sinh ngày 29/6/2021. Hiện nay chị H đang trực tiếp nuôi hai con và có đủ điều kiện nuôi con, có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con đến khi đủ 18 tuổi. Anh Đ không đến làm việc nhiều lần nên không thể hiện ý chí, nguyện vọng đối với nuôi con chung. Xét thấy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao hai con chung là Ngô Hoàng Kiều V, sinh ngày 04/11/2019 và Ngô Hoàng Thiên P, sinh ngày 29/6/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là có cơ sở và đúng pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết. Anh Đ không đến làm việc. Trước đây trong đơn ly hôn anh Đ trình bày anh và chị H có tài sản chung, tuy nhiên sau đó anh Đ

không đến Tòa án để làm thủ tục thụ lý vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử không không xem xét, giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung:

Chị H cho rằng quá trình chung sống chị H và anh Đ có nợ bà Thạch Thị Kim T (mẹ ruột của chị H) số tiền 300.000.000 đồng. Số tiền này bà T trả nợ chung cho vợ chồng vay tại Ngân hàng BIDV- PDG LA để làm ăn. chị H yêu cầu Tòa án giải quyết mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên cho bà T. Anh Đ không đến làm việc. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có triệu tập bà T đến làm việc về số nợ trên: bà T trình bày bà trả nợ cho vợ chồng H+ Đ vay tại Ngân hàng BIDV-PGD LA số tiền 300.000.000 đồng, vay làm ăn khi vợ chồng còn chung sống với nhau. Do đến hạn trả nợ mà vợ chồng không có trả nên bà trả thay. Số tiền này H+ Đ chưa trả lại cho bà. bà T không yêu cầu giải quyết nợ trong vụ án ly hôn. Nếu sau này có tranh chấp thì bà khởi kiện thành vụ án dân sự khác. Do vậy về nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Lê Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Trần Thị Ngọc H đối với anh Ngô Hồng Đ về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Trần Thị Ngọc H và anh Ngô Hồng Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Buộc anh Ngô Hồng Đ phải giao hai con chung là Ngô Hoàng Kiều V, sinh ngày 04/11/2019 và Ngô Hoàng Thiên P, sinh ngày 29/6/2021 cho chị Lê Trần Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

“Quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Lê Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0007012 ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã PT, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy**

